

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2/ Bà Đặng Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương H, sinh năm 1983.

+ Địa chỉ: Khóm Đ9, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1 Ông Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1970.

2.2 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

+ Cùng địa chỉ: Khóm Đ6, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm Đ6, phường M, Tp. L, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc N. Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2019. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Nguyễn Phương H trình bày:

Qua quen biết nên bà và vợ chồng ông Huỳnh Ngọc N, bà Nguyễn Thị H có tham gia góp hụi và vay tiền để kinh doanh. Quá trình vay nợ ông N và bà H nợ bà 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), theo bản chính Biên nhận nợ ngày 17/01/2012 do ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H ký tên, trong biên nhận không ghi thời gian thanh toán. Do có nhu cầu cần vốn nên bà nhiều lần yêu cầu ông N, bà H trả nợ nhưng ông N, bà H vẫn không có thiện chí trả nợ.

Sau đó ông N, bà H trả dần cho bà được 17 lần, từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2017 với số tiền 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo sổ theo dõi trả vốn hàng tháng mà bà đã ký nhận với ông N, bà H. Bà đồng ý trừ 42.500.000đ vào 120.000.000đ mà bà H và ông N còn nợ theo biên nhận ngày 17/01/2012, nên số tiền ông N và bà H còn nợ bà là 77.500.000đ.

Nay bà xác định chỉ yêu cầu ông N và bà H liên đới trả 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà không đồng ý yêu cầu của bà H xin trả dần, vì thời gian qua bà tạo điều kiện cho ông N, bà H nhưng ông bà vẫn không có thiện chí trả nợ.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông bà thừa nhận có ký tên vào Biên nhận ngày 17/01/2012 như bà H trình bày, tuy nhiên thực tế ông bà không nhận tiền mặt 120.000.000đ như biên nhận thể hiện, mà trong số tiền trên có lãi nhập vốn với mức lãi suất 10%/tháng. Sau khi viết Biên nhận nợ ngày 17/01/2012 ông bà trả dần cho bà H được 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo sổ theo dõi trả vốn hàng tháng như bà H xác nhận. Ông bà thừa nhận đến nay ông bà còn nợ bà H 77.500.000đ, đúng như bà H trình bày.

Về ý kiến trình bày trong khoản nợ 120.000.000đ có lãi nhập vốn với mức lãi suất 10%/tháng ông bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng và ông bà cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông bà đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà H 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng do điều kiện khó khăn nên ông bà yêu cầu bà H tạo điều kiện cho ông bà được trả 77.500.000 đồng trong 02 năm, phương thức thanh toán theo 4 kỳ, mỗi kỳ 6 tháng, số tiền thanh toán trong mỗi kỳ là 19.375.000đ cho đến khi hết nợ số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Phương H khởi kiện ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Các bị đơn cư ngụ khóm Đ6, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Phương H yêu cầu ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H liên đới chịu trách nhiệm trả 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 17/01/2012 do ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H ký tên.

[3] Ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 17/01/2012 như bà H trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông N và bà H đồng ý, nhưng do điều kiện khó khăn nên ông và bà yêu cầu bà H tạo điều kiện cho ông và bà trả 77.500.000 đồng trong 02 năm đến khi hết nợ.

Đối với khoản lãi nhập vốn với mức lãi suất 10%/tháng, ông và bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng, ông và bà cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa bà H cho rằng mặc dù ông và bà không nhận tiền mặt 120.000.000đ như Biên nhận ngày 17/01/2012 thể hiện nhưng ông và bà vẫn ghi nội dung, ký tên và ghi họ tên vào Biên nhận là do khi ông và bà không có khả năng trả lãi thì bà H cùng chồng là Công an đến nhà đòi nợ, yêu cầu viết biên nhận và tạo điều kiện cho trả dần, nên ông và bà đồng ý ghi và ký tên vào Biên nhận ngày 17/01/2012.

[5] Qua lời trình bày của các đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, bà H cho rằng mặc dù ông và bà không nhận của bà H đủ 120.000.000đ nhưng vẫn đồng ý ghi Biên nhận “*có nợ của cô H số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng)*” là vì sợ chồng bà H là Công an, hơn nữa lúc đó ông N đang bệnh, sợ ảnh hưởng đến sức khỏe. Xét thấy, ngoài lời trình bày tại phiên tòa, bà H không cung cấp chứng cứ chứng minh có sự việc khi bà viết Biên nhận nợ ngày 17/01/2012 trong tình trạng bị đe dọa, không tự nguyện. Mặt khác, cũng chính bà H thừa nhận nội dung Biên nhận nợ ngày 17/01/2012 là do bà tự viết, không phải viết theo gợi ý của bà H hoặc theo yêu cầu của ai khác. Do đó, lời trình bày trên của bà H không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, nên Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Biên nhận ngày 17/01/2012 là chứng cứ có thật, được ông N và bà H xác nhận là thuộc trường hợp quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông N và bà H liên đới trả số tiền còn nợ lại là 77.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả dần 77.500.000 đồng trong 02 năm không được nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N và bà H có nghĩa vụ liên đới chịu 3.875.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương H đối với ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Phương H 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới chịu 3.875.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Phương H được nhận lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002894, ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa